

Số: 98 /2026/QĐ-CTUBND

Lai Châu, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ Các-bon của rừng;

Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật chuyên ngành và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc phân cấp phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người được phân cấp và bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

3. Việc phân cấp phải bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt, kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

4. Thực hiện phân cấp các nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với những nhiệm vụ mang tính chất chuyên môn, thường xuyên, có thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp nhằm đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

Điều 3. Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ

1. Lĩnh vực khuyến nông: Tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông cấp tỉnh hằng năm theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về khuyến nông.

2. Lĩnh vực lâm nghiệp

a) Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản từ khai thác lâm sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 32 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

b) Quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26a Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

c) Quyết định phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

d) Quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT.

đ) Quyết định ban hành bổ sung loài cây trồng lâm nghiệp chính để trồng rừng tại địa phương ngoài Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT.

e) Quyết định cấp, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

f) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP.

g) Cấp tín chỉ các-bon rừng đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 180/2026/NĐ-CP.

h) Quyết định chuyển loại rừng đối với khu rừng do địa phương quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

i) Quyết định đơn giá trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

k) Quyết định phê duyệt kế hoạch, quyết định giao đơn vị thực hiện và quyết định sử dụng tiền trồng rừng thay thế để trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên và các biện pháp lâm sinh khác trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

l) Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

m) Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với trường hợp có cả thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

3. Lĩnh vực phát triển nông thôn: Tổ chức đánh giá, phân hạng và quyết định công nhận, cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4; điểm b, điểm e khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ

1. Lĩnh vực thủy lợi: Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động quy định trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy

định tại Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Lĩnh vực lâm nghiệp

a) Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 42 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

b) Quyết định giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm

a) Thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 3 Quyết định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ được phân cấp theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp định kỳ theo quy định.

c) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường định kỳ, đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 4 Quyết định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ được phân cấp theo quy định.

b) Định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về tình hình thực hiện Quyết định này; gửi báo cáo trước ngày 10/6 đối với báo cáo 06 tháng và trước ngày 10/12 đối với báo cáo năm; thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

2. Xử lý chuyên tiếp: Đối với các dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong năm 2026 trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt dự án.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị;
- Lưu: VT, KTN.

CHỦ TỊCH



Hà Quang Trung